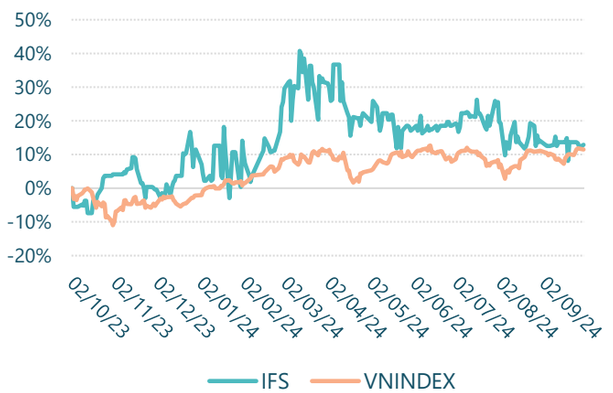
CTCP Thực phẩm Quốc tế (UPCOM: IFS)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	28,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.0%	**-3.2%**	**-12.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	23,209 - 35,278
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,466
Số lượng CPLH (CP)	87,140,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,840
Sở hữu nước ngoài	97.9%
Beta	0.85
EPS	2,194
P/E	12.9

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q3/24

465

tỷ VNĐ

QoQ: ▼60.0 | -11.5%

YoY: ▼3.00 | -0.7%

Nợ/VCSH

Q3/24

19.4%

YoY: +/-▲ 2.6%

LN gộp

Q3/24

167

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.0 | -14.1%

YoY: ▼10.0 | -5.9%

ROE (TTM)

Q3/24

15.9%

YoY: +/-▼ 0.0%

LN trước thuế

Q3/24

53.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼17.9 | -24.9%

YoY: ▼25.5 | -32.1%

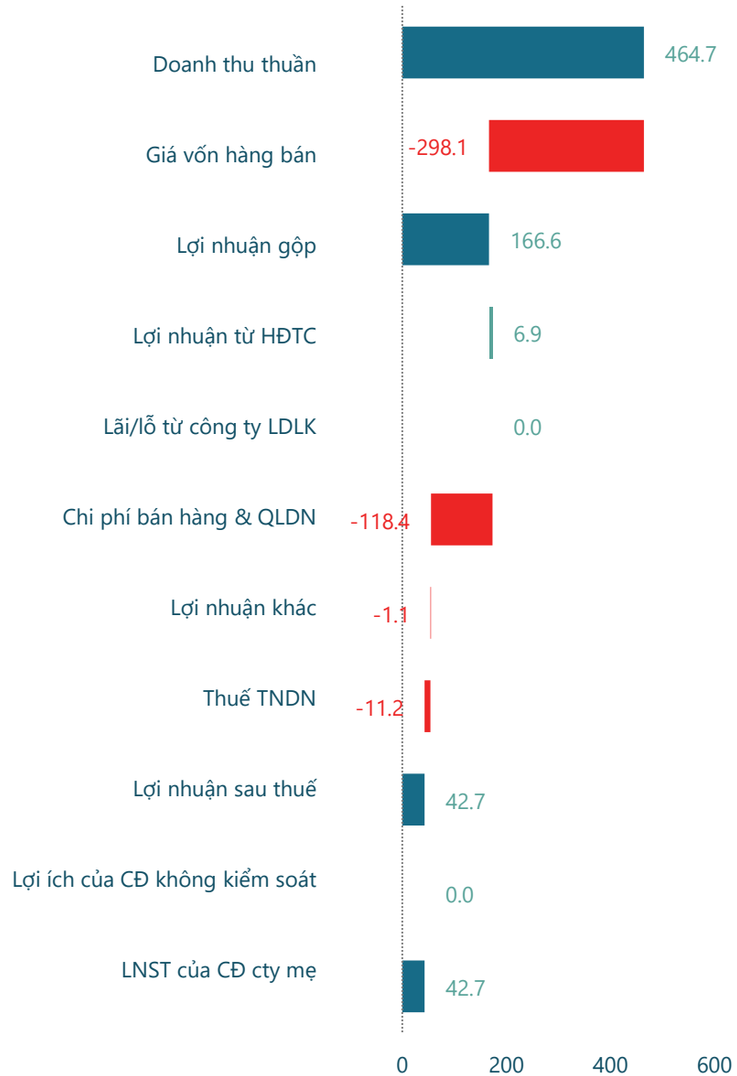
ROA (TTM)

Q3/24

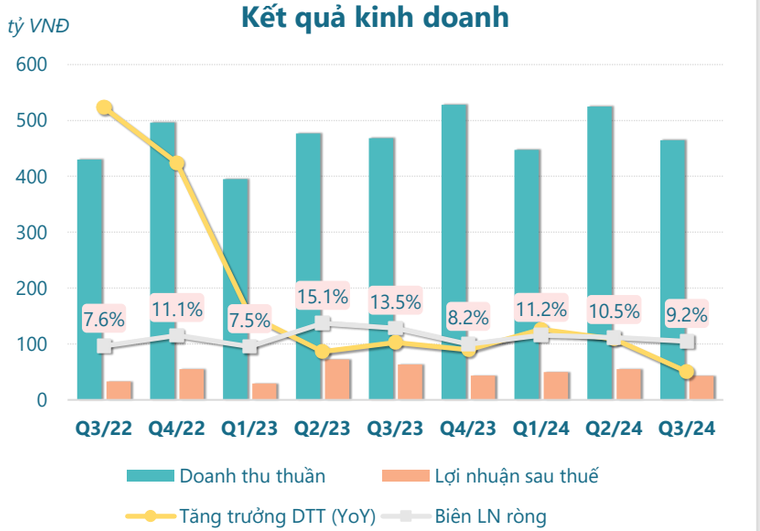
13.3%

YoY: +/-▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh Q3/24

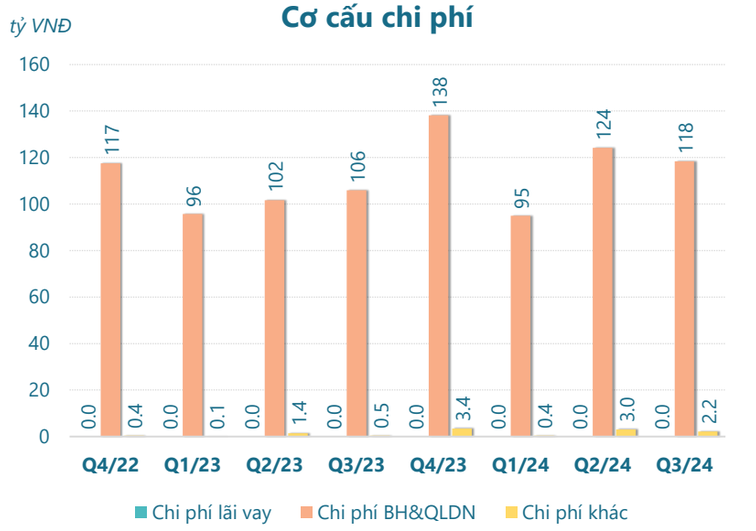


CTCP Thực phẩm Quốc tế (UPCOM: IFS)



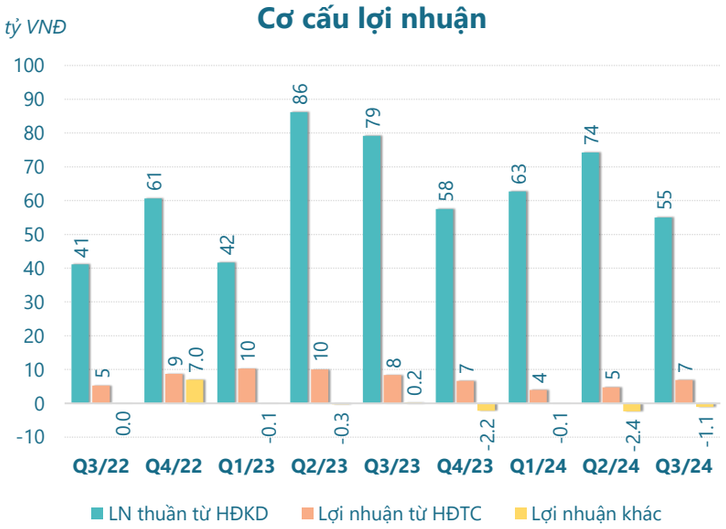
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 55.01 tỷ đồng**, giảm đi 25.9% so với kỳ trước và thấp hơn 30.5% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 6.87 tỷ đồng**, tăng thêm 45.9% so với kỳ trước và thấp hơn 18.0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 1.08 tỷ đồng** tăng thêm 1.30 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 640% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **IFS** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **464.7 tỷ đồng** giảm đi **0.74%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 42.70 tỷ đồng**, **giảm sút 32.6%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **1,436 tỷ đồng** cao hơn 7.16% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 148.0 tỷ đồng** thấp hơn 10.3% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **118.4 tỷ đồng** giảm đi 4.62% so với kỳ trước và cao hơn 11.7% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **2.16 tỷ đồng** giảm đi 28.7% so với kỳ trước và cao hơn 360% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thực phẩm Quốc tế (UPCOM: IFS)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**465**	**525**	**-11.5%**	**468**	**-0.7%**	**1,436**	**1,340**	**7.2%**
Giá vốn hàng bán	298	331	-9.9%	291	2.4%	923	858	7.5%
Lợi nhuận gộp	167	194	-14.1%	177	-5.9%	514	482	6.7%
Doanh thu HĐTC	7.01	4.90	43.0%	8.45	-17.1%	15.9	28.8	-44.8%
Chi phí TC	0.13	0.20	-32.7%	0.07	92.3%	0.36	0.14	157%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	107	109	-1.8%	95.9	11.6%	302	274	10.3%
Chi phí QLDN	**11.4**	**15.0**	**-24.0%**	**10.0**	**14.0%**	**35.5**	**29.7**	**19.8%**
LN thuần từ HĐKD	55.0	74.2	-25.9%	79.2	-30.5%	192	207	-7.3%
Lợi nhuận khác	**-1.08**	**-2.38**	**54.5%**	**0.20**	**-642%**	**-3.53**	**-0.19**	**-1770%**
LN trước thuế	53.9	71.8	-24.9%	79.4	-32.1%	188	207	-8.9%
Lợi nhuận sau thuế	**42.7**	**55.0**	**-22.4%**	**63.4**	**-32.6%**	**148**	**165**	**-10.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.7**	**55.0**	**-22.4%**	**63.4**	**-32.6%**	**148**	**165**	**-10.5%**

